

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung  
thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG  
KHÓA IV, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**



- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 10/12/2018;
- Xét đề nghị của UBND huyện Đắk Song tại văn bản số 503/UBND-KTHT, ngày 14/02/2020 về việc thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Nghị quyết về Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đến năm 2030 *(có phụ lục chi tiết kèm theo)*, với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên dự án**

Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đến năm 2030.

**2. Phạm vi nghiên cứu và các giai đoạn lập quy hoạch**

Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch là 1.880ha. Gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Đức An (1280,12ha) và một phần diện tích của xã Nam Bình (501ha) và một phần diện tích của xã Nam N'Jang (98,88ha). Ranh giới như sau:

- Phía bắc giáp xã Nam Bình.
- Phía nam giáp xã Nam N'Jang.
- Phía đông giáp xã Nam Bình và Nam N'Jang.



- Phía tây giáp xã Đắc N'Drung và Nam Bình.

### 3. Tính chất

Là trung tâm hành chính chính trị, văn hóa, kinh tế thương mại và dịch vụ, hạt nhân đô thị của huyện Đắc Song. Đầu mối giao lưu dịch vụ thương mại trên địa bàn huyện và liên kết các khu vực trong tỉnh.

Là đô thị loại V.

Hướng tới đô thị loại IV giai đoạn sau năm 2030.

### 4. Quy mô dân số

Đến năm 2020: 10.890 người

Đến năm 2030: 25.000 người.

5. Quy mô đất đai: Tổng diện tích tự nhiên khu vực lập quy hoạch thị trấn Đức An mở rộng là 1.880ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu (như phụ lục kèm theo).

7. Quy hoạch sử dụng đất và định hướng kiến trúc (như phụ lục kèm theo).

8. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật (như phụ lục kèm theo).

9. Tổng hợp khái toán kinh phí xây dựng: 1.143,30 tỷ đồng (như phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao UBND huyện hoàn thiện hồ sơ, lập thủ tục trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo HĐND huyện tại các kỳ họp.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Đắc Song khoá IV, kỳ họp bất thường thông qua ngày 12 tháng 3 năm 2020.

**Nơi nhận:**

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Xây dựng;
- TT Huyện uỷ;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT.



**Nguyễn Hữu Khánh**



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số: 05/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Song, khoá IV – nhiệm kỳ 2016 – 2021 Về việc thông qua Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đến năm 2030)

### 1. Tên dự án

Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Đức An, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đến năm 2030.

### 2. Phạm vi nghiên cứu và các giai đoạn lập quy hoạch

Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch là 1.880ha. Gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Đức An (1280,12ha) và một phần diện tích của xã Nam Bình (501ha) và một phần diện tích của xã Nam N'Jang (98,88ha). Ranh giới như sau:

Phía bắc giáp xã Nam Bình.

Phía nam giáp xã Nam N'Jang.

Phía đông giáp xã Nam Bình và Nam N'Jang.

Phía tây giáp xã Đắk N'Drung và Nam Bình.

### 3. Tính chất

Là trung tâm hành chính chính trị, văn hóa, kinh tế thương mại và dịch vụ, hạt nhân đô thị của huyện Đắk Song. Đầu mối giao lưu dịch vụ thương mại trên địa bàn huyện và liên kết các khu vực trong tỉnh.

Là đô thị loại V.

Hướng tới đô thị loại IV giai đoạn sau năm 2030.

### 4. Quy mô dân số

Hiện trạng năm 2018: 7.470 người. Trong đó, dân số thị trấn Đức An là 5.791 người. Dân số của xã Nam Bình là 1.419 người và Nam N'Jang là 260 người.

Đến năm 2020: 10.890 người

Đến năm 2030: 25.000 người.

### 5. Quy mô đất đai

Tổng diện tích tự nhiên khu vực lập quy hoạch thị trấn Đức An mở rộng là 1.880ha. Yêu cầu sử dụng đất xây dựng đô thị như sau:

Hiện trạng năm 2018: 188,97 ha;



Đến năm 2020: 369 ha;

Đến năm 2030: 609 ha.

#### 6. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng năm 2018	Dự kiến giai đoạn	
				Năm 2020	Năm 2030
I	Dân số				
1.1	Dân số toàn đô thị	người	7.470	10.890	25.000
1.2	Tỷ lệ phát triển dân số	%	3,00	13,40	8,70
II	Lao động				
2.1	Tổng số lao động	người	4.521	7.572	15.657
2.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	31,3	56,4	77,6
III	Các chỉ tiêu sử dụng đất				
3.1	Diện tích đất xây dựng đô thị	ha	188,97	368,61	609,39
	Bình quân đất xây dựng đô thị	m2/ng	252,98	338,48	243,76
3.2	Đất các khu vực dân dụng	ha	108,31	147,66	291,67
	Bình quân đất dân dụng	m2/ng	144,99	135,59	116,67
-	Đất ở	m2/ng	123,49	111,74	83,98
-	Đất công trình công cộng	m2/ng	7,42	7,81	5,28
-	Đất giao thông	m2/ng	12,55	14,43	25,59
	Đất cây xanh TDTT đơn vị ở	m2/ng	1,53	1,62	1,81
3.3	Đất ngoài dân dụng	ha	80,67	220,95	317,72
	Bình quân đất ngoài dân dụng	m2/ng	107,99	202,89	127,09
-	Đất cơ quan, CTCC phục vụ ĐT	ha	15,27	20,98	23,79
-	Đất giao thông đối ngoại	ha	18,63	19,86	47,76
-	Đất cây xanh TDTT	ha	2,97	4,72	31,32
-	Đất cây xanh cách ly HL điện	ha	0,00	21,90	21,90
IV	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật				
4.1	Mật độ đường	Km/Km2		5,0	5,35
4.2	Tỷ lệ đất giao thông	%	14,82	9,65	18,34
4.3	Chỉ tiêu cấp nước sạch	L/ngngđ		100	120
4.4	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	W/người		200	330
4.5	Chỉ tiêu thoát nước thải	l/ng/ngày		100	120
4.6	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/ng/ngà y		0,8	1,0



## 7. Quy hoạch sử dụng đất và định hướng kiến trúc

### 7.1 Hướng chọn đất phát triển

Giai đoạn đến năm 2020: Hướng phát triển của thị trấn Đức An giai đoạn đến năm 2020 là mở rộng về phía đông bắc, đông nam.

Giai đoạn đến năm 2030: Đô thị sẽ mở rộng phát triển về phía tây (một phần diện tích thuộc xã Nam Bình và xã Nam N'Jang).

Tầm nhìn sau năm 2030: Tiếp tục phát triển đô thị về hai phía đông và tây.

### 7.2 Cơ cấu sử dụng đất và phân khu chức năng

#### 1) Trung tâm hành chính:

Trung tâm hành chính huyện gồm các công trình cơ quan thuộc huyện quản lý và các cơ quan trực thuộc các bộ ngành đóng trên địa bàn, phục vụ cho toàn huyện. Gồm Huyện ủy, HĐND-UBND huyện, Tòa án, Viện Kiểm sát, các phòng, ban chức năng; các cơ quan trực thuộc các Bộ, ngành đóng trên địa bàn như Chi cục thống kê, Thuế, Hạt Kiểm lâm, Chi nhánh điện... Giữ nguyên vị trí hiện nay trên quốc lộ 14, là khu đất rộng, có địa hình tương đối bằng phẳng, thuận lợi kết nối với các khu chức năng khác của đô thị.

Trung tâm hành chính thị trấn: Giữ nguyên vị trí UBND thị trấn Đức An hiện nay.

#### 2) Trung tâm văn hóa, TDTT huyện:

Tại khu đất ở về phía đông nam trung tâm hành chính huyện, trên trục đường chính đô thị là Quốc lộ 14. Trung tâm văn hóa, TDTT gắn liền với trung tâm giáo dục, đài truyền hình và hoa viên. Giữ nguyên vị trí hiện trạng.

#### 3) Trung tâm y tế:

Giữ vị trí các công trình y tế hiện có. Bệnh viện đa khoa ở phía bắc thị trấn có vị trí thuận lợi về giao thông và xa nguồn nước, ít có ảnh hưởng đến môi trường. Trạm y tế ở phía nam thị trấn.

#### 4) Trung tâm giáo dục:

Là các công trình phục vụ cho nhu cầu dạy và học của toàn huyện Đắc Song, có vị trí trên đường trục chính đô thị, tại khu đất ở phía đông nam khu trung tâm hành chính, gồm trường Dân tộc nội trú, Trung học phổ thông.

Ngoài trung tâm giáo dục, công trình giáo dục phục vụ cấp đơn vị ở được bố trí ở khu phía đông thị trấn (quảng trường trung tâm, khu sinh thái nghỉ dưỡng, trung tâm đơn vị ở dự kiến xây mới).



5) Khu chức năng thương mại tổng hợp:

Bố trí thành 3 điểm: 01 điểm ở khu phía nam là chợ huyện tại trung tâm thị trấn Đức An hiện nay; 01 điểm ở khu vực phía đông nam gần với đường trục chính đô thị phía đông; 01 điểm gần với khu ở và dịch vụ sinh thái nghỉ dưỡng phía đông bắc thị trấn, nhằm tạo sức hút cho đô thị về phía đông, cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển thương mại dịch vụ của đô thị và của toàn huyện Đắk Song trong tương lai.

Ngoài ra tại một số trung tâm đơn vị ở sẽ bố trí các điểm dịch vụ công cộng, siêu thị mini, đảm bảo bán kính phục vụ nhu cầu về hàng hóa của Nhân dân.

6) Trung tâm dịch vụ nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí:

Bố trí khu ở sinh thái nghỉ dưỡng tại khu đất phía đông bắc gần với hệ thống hồ Đắk R'lon. Xây dựng các công trình dịch vụ tổng hợp và vui chơi giải trí phục vụ nghỉ dưỡng.

7) Cụm CN - TTCN:

Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp huyện dự kiến bố trí ngoài khu vực nghiên cứu, gần trục N3 cách trung tâm thị trấn Đức An hiện nay khoảng 5km về phía tây.

8) Khu dân cư:

Tổ chức đất đơn vị ở thành 6 nhóm, dọc từ bắc xuống nam theo các đường trục chính đô thị, trong đó 03 nhóm ở là khu vực dân cư trung tâm thị trấn Đức An hiện trạng cải tạo, 03 nhóm ở là dự kiến xây dựng mới. Tại mỗi nhóm ở đều bố trí công trình nhà văn hóa, sân vui chơi, đất cây xanh phục vụ cho các sinh hoạt cộng đồng.

Nhóm ở số 1 là khu dân cư hiện trạng thuộc khu trung tâm hành chính hiện nay.

Nhóm ở số 2 là khu dân cư hiện trạng, ở phía bắc thị trấn trên trục quốc lộ 14, thuộc khu vực có trung tâm y tế, trung tâm thương mại.

Nhóm ở số 3 là khu dân cư hiện trạng, ở phía nam thị trấn hiện nay, trên đường trục chính đô thị là quốc lộ 14.

Nhóm ở số 4, 5, 6 là khu dân cư dự kiến xây dựng mới ở phía đông thị trấn thuộc khu quảng trường trung tâm, khu sinh thái nghỉ dưỡng, trên đường trục dọc đô thị phía đông và các đường trục ngang kết nối với các trung tâm chức năng khác của đô thị.



Các nhóm ở 1, 2, 3 là khu ở hiện trạng cải tạo, xen cấy và có mở rộng về phía tây giai đoạn sau năm 2020.

Đối với các hộ dân trong khu vực trung tâm thị trấn, dọc các tuyến đường chính, gần khu thương mại và trung tâm hành chính chính trị, có điều kiện địa hình thuận lợi xây dựng nhà ở kiểu nhà liền kề. Diện tích lô đất từ 100m<sup>2</sup>- 200m<sup>2</sup>/hộ. Đối với các hộ xa trục đường chính, xa khu trung tâm, bố trí nhà ở các hộ sản xuất nông nghiệp, ở kiểu nhà vườn, biệt thự, diện tích 300-500m<sup>2</sup>/hộ.

9) Hạ tầng kỹ thuật đầu mối, cây xanh và các hạng mục công trình khác:

Bố trí các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối, các trục hành lang xanh, không gian xanh kết hợp đường giao thông tạo cảnh quan đẹp cho toàn bộ thị trấn cũng như các trung tâm hành chính, văn hóa, giáo dục... và các đơn vị ở.

Ngoài các khu chức năng và hạng mục công trình kể trên còn đất an ninh quốc phòng, đất tôn giáo tín ngưỡng, mặt nước các hồ, suối, hành lang an toàn lưới điện, nghĩa trang liệt sỹ là các khu vực cấm các hoạt động xây dựng, giữ nguyên hiện trạng và khoanh vùng bảo vệ.

### 7.3 Tổ chức không gian đô thị

#### a. Các trục không gian chính

Các trục không gian chính đô thị gồm:

Trục dọc đô thị (trục theo hướng bắc nam): Có 3 trục dọc. Gồm trục đường quốc lộ 14 và đường vành đai phía đông và vành đai phía tây;

Trục ngang đô thị (trục theo hướng đông tây): Có 4 trục ngang gồm trục đường nối với Quốc lộ 14 về phía tây đi Tuy Đức. Đường huyện 27 và đường trục ngang nối các trục dọc của đô thị.

#### b. Các yêu cầu về kiến trúc, cảnh quan

Các cơ quan, công trình văn hóa, giáo dục xây lùi vào trong so với chỉ giới xây dựng > 10m với các công trình xây dựng mới, để có sân vườn rộng phía trước, tạo tầm nhìn cho công trình. Mật độ xây dựng 30 - 40%. Tầng cao 3 - 5 tầng. Có thể hợp khối các công trình trụ sở cơ quan, tạo điểm nhấn và không gian kiến trúc phong phú.

Công trình thương mại dịch vụ xây lùi vào trong so với chỉ giới xây dựng > 10 m. Tầng cao xây dựng trung bình 1-3 tầng. Cho phép xây dựng những công trình đặc biệt có chiều cao hơn tùy từng điều kiện cụ thể. Mật độ xây dựng 30 - 35 % .



Cây xanh - thể dục thể thao: Tổ chức cây xanh hoa viên tập trung, kết hợp với khu văn hoá và giáo dục, quảng trường trung tâm. Tổ chức sân vườn trong công trình công cộng, vườn hoa, cây xanh của khu ở, gắn kết hợp lý với công trình kiến trúc tạo nên một tổ hợp không gian đa dạng và cải thiện môi trường, làm đẹp cho đô thị.

Nhà ở xây dựng mới kiểu nhà liền kề, nhà phố (tại khu trung tâm thị trấn, trên các đường trục chính đô thị, trục chính khu vực) được xây dựng phân thô, thống nhất kiểu dáng kiến trúc mặt tiền nhằm tạo nhịp điệu đô thị thống nhất, có nhịp điệu và sinh động; Chỉ giới xây dựng có thể trùng lộ giới, mật độ xây dựng từ 50-70%, tầng cao trung bình 3 tầng. Nhà liền kề vườn - biệt thự, nhà ở sinh thái, nhà ở kinh doanh dịch vụ: Khoảng lùi > 5m, mật độ xây dựng từ 20-50% tùy theo tính chất ở tại từng khu vực, tầng cao trung bình 2 tầng. Nhà ở hiện hữu: Cải tạo chỉnh trang, nhà ở hiện trạng đảm bảo chỉ giới xây dựng, tầng cao phù hợp với khu vực, mật độ xây dựng 40-70%.

#### 7.4 Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ các chỉ tiêu sử dụng đất, trên cơ sở hiện trạng, dự báo nhu cầu. Quy hoạch sử dụng đất đai khu dân cư tập trung được tính toán theo các giai đoạn như sau:

Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất thị trấn Đức An như sau:

TT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2018		Quy hoạch giai đoạn 2020		Quy hoạch giai đoạn 2030	
		Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)
	PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH	1880,0	100,0	1880,0	100,0	1880,0	100,0
	- Đất xây dựng đô thị	188,97	9,5	368,61	14,6	609,39	26,0
	- Đất khác	1691,03	90,5	1511,39	85,4	1270,61	74,0
A	Diện tích đất xây dựng đô thị	188,97	100,0	368,61	100,0	609,39	100,0
I	Đất dân dụng	108,31	57,31	147,66	40,06	291,67	47,86
1.1	Đất ở	92,25	48,82	121,68	33,01	209,96	34,45
1.2	Đất công trình công cộng đơn vị ở	5,54	2,93	8,51	2,31	13,20	2,17
1.3	Đất giao thông nội bộ	9,38	4,96	15,71	4,26	63,98	10,50
1.4	Đất cây xanh đơn vị ở	1,14	0,60	1,76	0,48	4,53	0,74
II	Đất ngoài dân dụng	80,67	42,69	220,95	33,35	317,72	36,06
2.1	Đất cơ quan, CTCC phục vụ đô thị	15,27	8,08	20,98	5,69	23,79	3,90
-	Đất trụ sở cơ quan	7,67	4,06	12,66	3,43	12,66	2,08



TT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2018		Quy hoạch giai đoạn 2020		Quy hoạch giai đoạn 2030	
		Diện	Tỷ lệ	Diện	Tỷ lệ	Diện	Tỷ lệ
-	Đất giáo dục	2,56	1,35	2,86	0,78	2,86	0,47
-	Đất y tế	2,67	1,41	2,65	0,72	2,65	0,43
-	Đất thương mại dịch vụ	2,03	1,08	1,79	0,49	4,60	0,75
-	Đất văn hóa	0,34	0,18	1,02	0,28	1,02	0,17
2.2	Đất giao thông đối ngoại	18,63	9,86	19,86	5,39	47,76	7,84
2.3	Đất sản xuất kinh doanh	2,49	1,32	2,49	0,68	2,49	0,41
2.4	Đất an ninh quốc phòng	8,16	4,32	8,03	2,18	8,03	1,32
2.5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	5,45	2,88	4,78	1,30	4,78	0,78
2.6	Đất cây xanh, thể dục thể thao	2,97	1,57	4,72	1,28	31,32	5,14
2.7	Đất cây xanh cách ly hành lang điện			21,90	5,94	21,90	3,59
2.8	Đất sinh thái nghỉ dưỡng			12,48	3,39	36,34	5,96
2.9	Đất năng lượng điện mặt trời			98,00		98,00	
2.10	Đất mặt nước chuyên dùng	25,57	13,53	25,57	6,94	41,17	6,76
2.11	Đất hạ tầng kỹ thuật đầu mối	0,69	0,37	0,69	0,19	0,69	0,11
2.12	Đất nghĩa trang	1,44	0,76	1,44	0,39	1,44	0,24
B	Đất khác	1691,03		1500,90		1283,34	
3.1	Đất sản xuất nông nghiệp	1663,0		1473,5		1255,9	
3.2	Đất mặt nước	27,43		27,43		27,43	
3.3	Đất chưa sử dụng	0,56					

## 8. Quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật

### 8.1 San nền

Chọn cao độ khống chế nền  $H_{xd} > 803,0\text{mm}$ .

San lấp cục bộ, cân bằng đào đắp đối với khu vực  $i < 10\%$  theo nguyên tắc xử lý cục bộ tại chỗ, cân bằng đào đắp trong từng công trình.

San lấp theo các cấp liên hệ với nhau bằng dải cây xanh và mái taluy với hệ số mái dốc  $m = 1/0.75$  đối với khu vực có độ dốc tự nhiên:  $10\% \leq i \leq 30\%$ .

### 8.2 Thoát nước mưa

Chọn hệ thống thoát nước riêng. Chế độ hoạt động tự chảy theo độ dốc tự nhiên.

Chia khu vực thành 3 lưu vực thoát nước chính. Lưu vực 1 ở phía tây khu vực quy hoạch. Diện tích 765ha. Hướng thoát nước về suối phía tây thị trấn; Lưu vực 2 ở trung tâm khu vực quy hoạch. Diện tích 775,0 ha. Hướng thoát nước chính là hồ Đắc R'lon; Lưu vực 3 ở phía đông khu vực quy hoạch. Diện tích 313,3 ha. Hướng thoát nước về suối phía đông thị trấn.

Hệ thống thoát nước được thiết kế hoạt động theo chế độ tự chảy, gồm tuyến công, giếng thu nước mưa, giếng kỹ thuật, hố ga và cửa xả.



Chọn chủng loại cống định hình BTCT, đường kính D 400-1500mm. Mật độ cống 120-150m/ha đất xây dựng đô thị; 70%-80% tổng chiều dài đường đô thị có cống.

Rãnh xây thiết diện hình thang ven các trục lộ lớn đón nước chân ta luy HxB 400x800mm dạng hở. Tổng chiều dài các loại cống  $L = 54.000\text{m}$ .

Cống qua đường sử dụng loại cống bản hoặc (BTCT). Độ sâu chôn cống qua đường  $h > 0,75\text{m}$ . Độ dốc đáy cống lấy theo độ dốc dọc đường đảm bảo  $i > 0.003$ .

Giếng thu nước mưa được thiết kế kiểu hàm ếch, khoảng cách các giếng lấy theo TCVN 4449-87, khoảng cách  $l = 40-50\text{m}$ .

### 8.3 Giao thông

Hình thành 3 tuyến trục dọc bắc nam và 6 tuyến trục ngang đông tây

#### a. Các tuyến trục dọc

- Trục dọc 1: Là tuyến đường X1, thiết kế đường cấp IV miền núi, có chiều dài 6,8 km, tuyến được xây dựng mới có điểm đầu bắt đầu từ QL 14. Là tuyến đường vành đai phía đông thị trấn. Quy hoạch lộ giới 20,0m, trong đó mặt đường 7,5m, không có dải phân cách giữa, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x6,25m, đoạn đi ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x6,25m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m.

- Trục dọc 2: Là tuyến Quốc lộ 14, thiết kế đường cấp III miền núi, đây là tuyến đường đối ngoại của thị trấn Đức An. Đoạn trong trung tâm thị trấn: Đoạn qua khu vực trung tâm thị trấn có tổng chiều dài 2,5km. Quy hoạch lộ giới 36,0 m, trong đó mặt đường 20,0m, dải phân cách giữa 0,5m, vỉa hè 2x7,75m. Đoạn ngoài khu vực trung tâm thị trấn: Có tổng chiều dài 5,1km. Quy hoạch lộ giới 36,0m, trong đó mặt đường 15,0m, không có dải phân cách giữa, vỉa hè 2x10,5m.

- Trục dọc 3: Là tuyến đường X2, thiết kế đường cấp IV miền núi, có chiều dài 7,1 km, tuyến được xây dựng mới cũng có điểm bắt đầu từ QL 14. Là tuyến đường vành đai phía tây thị trấn. Quy hoạch lộ giới 20,0 m, trong đó mặt đường 7,5m, không có dải phân cách giữa, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x6,25m, đoạn đi ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x6,25m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m.

#### b. Các tuyến trục ngang

- Trục ngang 1: Hướng tuyến trùng với đường huyện ĐH29, thiết kế đường cấp IV miền núi, chiều dài 3,6 km, kết nối với trục dọc 3, trục dọc 1, trục dọc 2.



Đây cũng là tuyến đường đối ngoại có vai trò quan trọng trong việc kết nối thị trấn Đức An với trung tâm huyện Tuy Đức. Quy hoạch lộ giới 17,5m, trong đó mặt đường 10,5m, không có dải phân cách giữa, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x3,5m, đoạn đi ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x3,5m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m.

- Trục ngang 2: Là tuyến đường X47 kết nối và đường huyện 28 đoạn phía tây đường trục dọc X2. Tuyến đường X47, thiết kế đường cấp IV miền núi, có chiều dài 0,8km, tuyến được xây dựng mới, có điểm đầu xuất phát từ QL 14 theo hướng tuyến về phía tây đầu nối với trục dọc 3 (đường X2). Đầu tư xây dựng lộ giới 7,5m, trong đó mặt đường 5,5m, không có dải phân cách giữa, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x1,0m, đoạn đi ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x1,0m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m. Đường huyện ĐH28 đoạn phía tây đường trục dọc X2, thiết kế đường cấp IV miền núi, chiều dài 2,5km. Quy hoạch lộ giới 15,5m, trong đó mặt đường 7,5m, không có dải phân cách giữa, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x4,0m, đoạn đi ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x4,0m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m.

- Trục ngang 3: Là tuyến đường huyện 27, thiết kế đường cấp IV miền núi, có chiều dài 3,1km, tuyến được nâng cấp cải tạo từ tuyến đường hiện trạng. Tuyến ĐH 27 kết nối trục dọc 3 (đường X2) và trục dọc 2 (đường QL 14). Quy hoạch lộ giới 17,5m, trong đó mặt đường 10,5m, không có dải phân cách giữa, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x3,5m, đoạn đi ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x3,5m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m.

- Trục ngang 4: Là tuyến đường X5, thiết kế đường cấp IV miền núi, có chiều dài 1,0km, tuyến được xây dựng mới. Tuyến X5 kết nối trục dọc 2 (đường QL 14) và trục dọc 1 (đường X2). Đầu tư xây dựng lộ giới 15,5 m, trong đó mặt đường 7,5m, không có dải phân cách giữa, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x4,0m, đoạn đi ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x4,0m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m.

- Trục ngang 5: Là tuyến đường X15A, thiết kế đường cấp IV miền núi, có chiều dài 1,3km. Tuyến X15A kết nối trục dọc 2 (đường QL 14) và trục dọc 1 (đường X2). Cải tạo, xây dựng lộ giới 11,0 m, trong đó mặt đường 7,0m, không có dải phân cách giữa, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x2,0m, đoạn đi ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x2,0m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m.

- Trục ngang 6: Là tuyến đường X3, thiết kế đường cấp IV miền núi, có chiều dài 1,9km. Tuyến X3 kết nối trục dọc 2 (đường QL 14) và trục dọc 1



(đường X2). Quy hoạch lộ giới 15,5m, trong đó mặt đường 7,5m, không có dải phân cách giữa, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x4,0m, đoạn đi ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x4,0m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m.

c. Đường trục chính đô thị

Là các tuyến đường QL14, ĐH 27, ĐH 28, ĐH 29, X1, X2, X3, X5, X15A. Có vai trò là các trục dọc và trục ngang của thị trấn đã được quy hoạch ở trên.

d. Đường liên khu vực

Đường liên khu vực: Là các tuyến đường phục vụ giao thông có ý nghĩa liên khu, nối các khu dân cư, trung tâm công cộng với nhau và nối với đường trục chính thị trấn. Với tổng chiều dài 12,0km, quy hoạch lộ giới 11,0m: mặt đường 7,0m, đoạn đi qua khu dân cư xây dựng vỉa hè 2x2,0m, đoạn đi ngoài khu dân cư, để hành lang dự trữ 2x2,0m, không xây dựng vỉa hè, xây dựng lề đường 2x0,5m. Bao gồm các tuyến X4, X6, X7, X8, X9, X10, X11, X12, X13, X14, X15, 15B. Thiết kế đường cấp IV miền núi.

e. Đường chính khu vực

Đường chính khu vực là các tuyến đường phục vụ giao thông có ý nghĩa nội bộ các khu vực. Với tổng chiều dài 23,2 km, quy hoạch lộ giới 7,5m, trong đó mặt đường 5,5m, các đoạn qua khu chức năng và dân cư xây dựng vỉa hè 2x1,0m, đoạn ngoài khu dân cư để hành lang dự trữ 2x1,0m không xây dựng vỉa hè, để lề gĩa cố 2x0,5m. Bao gồm các tuyến từ X16 đến X58. Thiết kế đường cấp IV miền núi.

g. Quy hoạch bến xe

Giai đoạn đến 2020: Tiếp tục cải tạo, nâng cấp các công trình phụ trợ bến xe hiện hữu tại thị trấn đạt yêu cầu theo chuẩn của Bộ Giao thông vận tải ban hành đảm bảo nhu cầu vận tải hành khách của huyện.

Giai đoạn sau năm 2020: Di dời bến xe hiện hữu, đầu tư xây dựng mới bến xe của huyện tại phía Nam thị trấn, đây là khu vực cửa ngõ tiếp cận trung tâm thị trấn qua tuyến Quốc lộ 14 theo hướng Nam, quy mô 12.478 m<sup>2</sup>. Cấp kỹ thuật: Bến xe loại IV. Các công trình phụ trợ của bến xe trên phải xây dựng đồng bộ với kết cấu hạ tầng cơ sở của bến, đảm bảo lượng xe ra vào an toàn, phù hợp theo cấp kỹ thuật của bến xe.

h. Các công trình cầu, đập



Trên tuyến X3 xây dựng 01 cầu vượt C1 qua hồ Đắc R'lon, chiều rộng 7,5m, kết nối Quốc lộ 14 với tuyến X1. Kiến nghị xây Cầu C1 bằng cầu dầm bản bê tông cốt thép tạo bề thế, cảnh quan cho khu trung tâm hành chính huyện.

Trên tuyến ĐH 29 xây dựng 01 cầu vượt C2 qua nhánh hồ Đắc R'lon, chiều rộng 10,5m liên kết Quốc lộ 14 với tuyến X1. Cầu C2 bằng cầu thép định hình có niên hạn sử dụng 30 -70 năm.

Trên tuyến đường huyện ĐH 28 xây dựng 01 cầu vượt C3 với chiều rộng 7,5m. Cầu C3 bằng cầu thép định hình có niên hạn sử dụng 30 -70 năm.

Nâng cấp cải tạo đập D1 trên tuyến X15A.

Xây dựng mới đập D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8 vừa chức năng giao thông, vừa chức năng giữ nước hồ tạo cảnh quan cho các khu vực trong thị trấn.

i. Cao độ thiết kế các tuyến đường

Thiết kế cao độ các tuyến đường thấp nhất là +818.00m, cao độ cao nhất là +919.00. Độ dốc dọc khống chế các tuyến đường  $i \leq 11\%$ .

#### 8.4 Cấp nước

a. Nguồn nước

Sử dụng nguồn nước mặt hồ Đắc R'Lon. Nước từ hồ bơm qua trạm bơm cấp I lên trạm xử lý, sau đó tự chảy vào mạng lưới đường ống cấp cho toàn khu vực.

b. Mạng lưới cấp nước

Giai đoạn đến năm 2020: Thị trấn Đức An sẽ sử dụng nước từ trạm cấp nước hiện có công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ng.đ. Nguồn nước mặt hồ Đắc R'lon. Nhu cầu dùng nước là 1.500 m<sup>3</sup>/ng.đ.

Giai đoạn đến năm 2030: Nhu cầu dùng nước toàn thị trấn là 5.000 m<sup>3</sup>/ng.đ, vì vậy cần mở rộng và nâng công suất trạm xử lý nước lên 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước trên địa bàn.

Trạm cấp nước hiện có không đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước của toàn thị trấn và diện tích xây dựng trạm xử lý nước hiện có không thể mở rộng và nâng cấp công suất trong tương lai, vì vậy cần xây dựng trạm cấp nước tập trung mới ở phía đông thị trấn, diện tích 5.000m<sup>2</sup>, sử dụng nguồn nước mặt hồ Đắc R'lon, nước từ hồ Đắc R'lon được bơm qua đường ống Φ250 lên trạm xử lý nước.

Từ bể chứa nước sạch nước được tự chảy vào mạng lưới đường ống chính Φ110 - Φ250 dẫn về các khu dân cư và công trình công cộng. Đối với các công trình đặt tại các vị trí có độ cao đột biến sẽ có các trạm bơm tăng áp riêng của từng công trình.



Dự kiến sẽ xây dựng mạng lưới đường ống mạng vòng kết hợp với mạng cắt, đến năm 2030 tạo 10 vòng, trong đó giai đoạn năm 2020 tạo 6 vòng. Từ ống chính  $\Phi 250$ - $\Phi 110$  của thị trấn sẽ nối các ống có đường kính từ  $\Phi 90$  -  $\Phi 48$  tới các khu dân cư.

Bố trí 35 hố van chính và 15 hố van phụ trong khu vực. Để đảm bảo việc cấp nước an toàn các đoạn ống cắt có đường kính từ  $\Phi 90$ mm trở nên được nối cầu tạo trong hố van phụ tạo mạng vòng.

Sử dụng ống uPVC đối với đường kính ống  $\Phi 110$ -250mm và ống HDPE với đường kính ống  $\Phi 48$ -90mm. Độ sâu đặt ống 0,7 m với đường kính từ  $\Phi 110$ -250mm và 0.5m với đường kính từ  $\Phi 48$ -90mm.

Lắp đặt 20 họng cứu hỏa trên các đoạn ống  $\Phi 110$ -250, bán kính phục vụ của các họng cứu hỏa 150m. Sử dụng hệ thống cứu hỏa áp lực thấp.

## 8.5 Cấp điện

### a. Nguồn điện

Là trạm 110/22KV Đăk Song công suất 25MVA trong khu vực quy hoạch.

### b. Lưới điện

Giai đoạn đến năm 2020:

Tạo hành lang tuyến cho các đường dây cao thế 500 KV và 110 KV. Chiều rộng hành lang đường dây 500 KV được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía ở trạng thái tĩnh là 7m. Chiều rộng hành lang đường dây 110 KV là 5m.

Giữ nguyên tuyến 22KV đi nổi hiện có. Các tuyến 22 KV xây mới theo tiêu chuẩn đường dây 22KV từ trạm 110/22KV Đăk Song – lộ 473. Dây dẫn của lưới điện 22KV xây mới sử dụng dây XLPE với tiết diện 185 mm, đi ngầm.

Lưới điện hạ thế sử dụng loại đi ngầm dây dẫn XLPE đối với khu vực xây dựng mới; Khu vực hiện trạng đi nổi dây dẫn là cáp vặn xoắn hoặc dây nhôm bọc nhựa cách điện. Trạm hạ thế phải đặt ở trung tâm của các phụ tải điện. Bán kính phục vụ của lưới điện hạ thế cấp cho công trình công cộng, dịch vụ từ 300-500m.

Xây dựng hệ thống chiếu sáng dọc trục chính đô thị, các tuyến đường có mặt cắt  $\geq 7,5$ m. Chiếu sáng đèn trục chính đô thị phải tuân thủ tiêu chuẩn xây dựng TCXD 259/2001, độ rọi không nhỏ hơn 1,2 Cd/m<sup>2</sup>. Đường khu vực, đường trong nhóm nhà ở áp dụng chỉ tiêu thấp hơn nhưng không thấp hơn 0,4 Cd/m<sup>2</sup>.



Công viên cây xanh, thể dục thể thao, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật áp dụng tiêu chuẩn 33/2005.

Xây dựng mới thêm 06 trạm 22/0.4KV, Trạm xây mới có công suất từ 250 KVA – 400 KVA. Bán kính phục vụ đảm bảo từ 300 – 500m. Các trạm 22/0,4 KV dùng trạm treo hoặc trạm Kios.

Giai đoạn đến năm 2030:

Xây dựng mới thêm 07 trạm 22/0.4KV, Trạm xây mới có công suất từ 250 KVA – 400 KVA. Bán kính phục vụ đảm bảo từ 300 – 500m. Các trạm 22/0,4 KV dùng trạm treo hoặc trạm Kios.

Tiến hành cải tạo 18 trạm biến áp 22/0,4KV của thị trấn hiện tại

#### 8.6 Thông tin liên lạc

a. Giai đoạn đến năm 2020:

\* Viễn thông:

Xây dựng 1 tổng đài chuyển mạch đa dịch vụ Multiservice Access dung lượng 5 nghìn thuê bao (lines), kết nối với HOST nằm tại bưu điện huyện Đắk Song hiện có (HOST nằm ngay trong khu vực nghiên cứu). Triển khai mô hình mạng thế hệ mới (NGN) cho dịch vụ băng thông rộng.

Xây mới tuyến cáp quang chạy ngầm kết nối tổng đài vệ tinh mới với HOST. Sử dụng cáp quang 24 FO tốc độ truyền dẫn STM - 4 (622 Mbps).

Nâng cấp công suất các trạm BTS hiện có, quy hoạch mới 7 vị trí trạm BTS cấu hình (3/3/3).

Hiện khu vực đã có 1 đài truyền thanh tiếp sóng của đài phát thanh tỉnh Đắk Nông. Phát triển mạng ngoại vi phải đồng bộ với quy hoạch chung của khu vực. Yêu cầu các doanh nghiệp phải đồng bộ và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật.

Bố trí khoảng 960 cổng internet băng rộng.

\* Bưu chính:

Duy trì hoạt động của bưu cục cấp II (bưu điện huyện Đắk Song) hiện có, tiếp tục phục vụ nhu cầu hiện tại và tương lai, mở rộng mạng lưới điểm phục vụ bằng các điểm đại lý bưu điện, kiot bưu điện tại các điểm dân cư.

Duy trì tuyến thư cấp I từ TX Gia Nghĩa - Bưu điện huyện Đắk Song - đi Đắk Mil, tần suất 2 chuyến/ngày.

Dịch vụ bưu chính: Phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ tài chính.

b. Giai đoạn đến năm 2030:



\* Viễn thông:

Nâng cấp dung lượng tổng đài lên 9000 thuê bao (lines), hoàn thành mô hình mạng thế hệ mới (NGN).

Nâng cấp cấu hình 7 trạm BTS xây trong giai đoạn 2020 lên (4/4/4). Lắp đặt thêm 4 trạm BTS cấu hình (4/4/4).

Nhu cầu internet băng thông rộng tăng lên khoảng 4300 thuê bao.

\* Bưu chính:

Giữ nguyên mạng lưới phục vụ đã có, tăng cường khả năng phục vụ dịch vụ bưu chính để đáp ứng nhu cầu tăng cao của người dân.

### 8.7 Thoát nước bản và vệ sinh môi trường

#### a. Quy hoạch mạng lưới thoát nước và xử lý nước thải

Giải pháp quy hoạch thoát nước thải cho thị trấn Đức An là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, bao gồm: Mạng lưới cống thoát nước, hố ga và trạm xử lý nước thải.

Xây dựng các tuyến cống tròn D300 đến D400mm dọc các tuyến đường để thu nước thải. Các khu vực có độ dốc địa hình lớn sẽ đặt cống có độ dốc bám sát độ dốc địa hình ( $i_{\text{cống}} \geq i_{\text{địa hình}}$ ). Các khu vực có độ dốc địa hình nhỏ sẽ đặt cống có độ dốc đảm bảo  $i_{\text{cống}} \geq i_{\text{min}} = 1/d$ . Các tuyến cống thoát nước bản sẽ được đặt trước các dãy nhà. Vật liệu làm cống là bê tông cốt thép.

Phân chia khu quy hoạch thành 2 lưu vực thoát nước chính và một phụ lưu.

Nước thải sinh hoạt khu dân cư sẽ được xử lý qua bể tự hoại đúng tiêu chuẩn.

Nước sau khi xử lý sẽ xả ra hệ thống thoát nước thải và thu về trạm xử lý tập trung. Nước thải công trình công cộng được xử lý cục bộ tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn cho phép mới xả ra cống thoát nước thải.

Giai đoạn đến năm 2020, xây dựng các tuyến cống dẫn nước thải sinh hoạt D300 đến D400mm dọc các trục đường đưa nước thải về trạm xử lý tập trung. Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung số 1 có công suất 600 m<sup>3</sup>/ngđ đặt ở phía đông bắc của thị trấn Đức An. Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung số 2 có công suất 500 m<sup>3</sup>/ngđ đặt ở phía tây Nam của thị trấn Đức An. Xây dựng 06 trạm bơm chuyển bậc (Trạm số 1 công suất 50 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 3 công suất 500 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 5 công suất 400 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 4 công suất 250 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 8 công suất 100 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 6 công suất 600 m<sup>3</sup>/ngđ). Nước thải



sau khi làm sạch đạt tiêu chuẩn theo QCVN 14:2008/BTNMT xả ra hồ Đắc R'lon.

Giai đoạn đến năm 2030, Tăng công suất trạm xử lý nước thải tập trung số 1 lên 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Tăng công suất trạm xử lý nước thải tập trung số 2 lên 1.600 m<sup>3</sup>/ngđ. Xây dựng thêm các tuyến cống cấp 2 ở các khu ở mới. Xây dựng mới 05 trạm bơm chuyển bậc (Trạm số 2 công suất 100 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 11 công suất 200 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 07 công suất 50 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 09 công suất 50 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 10 công suất 50 m<sup>3</sup>/ngđ). Nâng công suất 06 trạm bơm chuyển bậc (Trạm số 1 lên công suất 100 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 3 lên công suất 800 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 5 lên công suất 550 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 4 lên công suất 1000 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 8 lên công suất 250 m<sup>3</sup>/ngđ; Trạm số 6 lên công suất 1000 m<sup>3</sup>/ngđ).

#### b. Quy hoạch chất thải rắn

Tổ chức thêm các tuyến thu gom cho các khu ở mới. Bố trí các điểm cầu rác, hàng ngày sẽ có xe chở rác đến vận chuyển về các điểm trung chuyển.

Các công trình công cộng bố trí thùng rác riêng. Rác thải hàng ngày sẽ thu gom và chuyên chở đến các điểm trung chuyển CTR của đô thị.

Giai đoạn đến năm 2020: CTR được thu gom và vận chuyển về bãi rác tập trung của huyện tại thôn Boong Ring, xã Năm N'Jang cách thị trấn Đức An 4km về phía đông Nam, diện tích 4,163 ha.

Giai đoạn đến năm 2030: CTR sẽ được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý CTR của huyện tại thôn Boong Ring, xã Năm N'Jang (quy mô 20ha) theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh Đắk Nông.

Hình thức xử lý chất thải rắn chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp HVS. Khi có điều kiện sẽ xây dựng nhà máy chế biến rác và sản xuất phân bón. Xung quanh bãi trồng cây xanh cách ly.

#### c. Quy hoạch nghĩa trang

Tiêu chuẩn đất nghĩa trang theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Từ nay đến năm 2030 thị trấn Đức An vẫn sử dụng nghĩa trang Nhân dân của xã Năm N'Jang cách thị trấn Đức An khoảng 2km về phía nam với diện tích 5,0 ha.

Hình thức chôn cất: Hung táng và cát táng. Khoảng cách tới khu dân cư gần nhất là 500m. Quy hoạch cây xanh cách ly, cổng, tường rào cho nghĩa trang.

Trang bị 01 xe tang và 03 xe phục vụ tang lễ.



## 9. Tổng hợp khái toán kinh phí xây dựng đợt đầu và các dự án ưu tiên đầu tư

### 9.1 Khái toán kinh phí xây dựng

TT	Hạng mục	Tổng nhu cầu vốn (tỷ đồng)	Giai đoạn (tỷ đồng)	
			Đến năm 2020	Đến năm 2030
	Tổng kinh phí xây dựng	1.143,30	236,62	905,68
I	Công trình kiến trúc	434,14	97,54	336,60
II	Hạ tầng kỹ thuật	708,16	139,08	569,09
2.1	Chuẩn bị kỹ thuật	195,99	31,10	164,89
2.2	Giao thông	354,80	24,97	266,87
2.3	Cấp điện	16,01	7,18	8,82
2.4	Thông tin liên lạc	11,51	7,18	4,33
2.5	Cấp nước	42,83	24,46	18,37
2.6	Thoát nước, vệ sinh môi trường	85,86	28,93	56,93

### 9.2 Các dự án xây dựng đợt đầu

Xây dựng quảng trường trung tâm, khu thương mại dịch vụ tổng hợp, trường học khu phía đông.

Cải tạo chỉnh trang khối các cơ quan huyện, Trung tâm y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ và khu ở hiện hữu.

Xây dựng các đường trục chính đô thị - trục ngang X3, X5; đường liên khu vực X13, X15B; đường chính khu vực X31.

Cải tạo bến xe hiện trạng, cấp bến xe loại IV. Xây dựng cầu C4.

Nâng cấp trạm cấp nước công suất 1.500m<sup>3</sup>/ngày.đêm và tuyến ống cấp cho các khu chức năng.

Xây dựng trạm xử lý nước thải số 1, 2 công suất 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ.